

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 14/01/2021;

Xét nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/CV-TP ngày 05/3/2021 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-STNMT ngày 08/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã

An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Nhơn Lộc theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Giao UBND xã Nhơn Lộc, UBND xã Nhơn Khánh giám sát việc thực hiện của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát đối với việc đảm bảo khối lượng đất san lấp cung cấp cho công trình và các vấn đề về môi trường trong quá trình vận chuyển đất.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND các xã: Nhơn Lộc, Nhơn Khánh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI NÚI CHÀ RÂY,
XÃ NHƠN LỘC, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRỌNG PHÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trọng Phát

1.3. Địa chỉ liên hệ: Thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 02563.837268.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 1,0ha.

- Thời gian khai thác: khoảng 16 tháng.

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Công suất khai thác: 39.758 m³ đất địa chất/năm.

1.5. Phương pháp khai thác: bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc Dự án, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; chiều sâu khai thác trung bình 7,8m; cos kết thúc khai thác thoải dần về phía Đông Nam từ +42,3m đến +21m. Công ty sử dụng máy đào để khai thác và ô tô 10 tấn để vận chuyển đất đến nơi san lấp (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: hồ lắng 02 ngăn phía Đông Nam (gần điểm góc số 03) thể tích khoảng 96 m³; mương thu gom nước mưa về hồ lắng có tổng chiều dài khoảng 240m; mương dẫn nước từ hồ lắng ra ao hiện trạng phía Đông Nam chiều dài khoảng 30m; nhà vệ sinh di động.

- Tuyến đường tạm ngoài mỏ (đường đất nối từ đường hiện trạng đến ranh giới mỏ, có chiều dài khoảng 40m x rộng 8,0m x cao 0,3m); tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, có chiều dài khoảng 180m x rộng 8,0m x cao 0,5m) được lấp công bê tông tại đoạn giao với mương thu gom nước mưa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình vận chuyển đất sẽ gây hư hỏng tuyến đường đất hiện trạng dẫn vào khu vực khai thác của Dự án.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,72 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 1.360 m³/ngày (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 05 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

+ Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 15 kg/năm.

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 03 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị để thu gom, xử lý khi bể đầy.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: dài 240m x rộng 1,0m x cao 1,0m), kết cấu là mương đất, được gia cố đảm bảo và được lắp đặt 08 rọ đá trên mương để giảm tốc dòng chảy; mương đất dẫn nước từ hồ lắng ra ao hiện trạng (kích thước: dài 30m x rộng 1,0m x cao 1,0m), kết cấu là mương đất, được gia cố đảm bảo và được lắp đặt 04 rọ đá trên mương

- Hồ lắng 02 ngăn phía Đông Nam dự án, tọa độ (1.534.966; 582.565), thể tích khoảng 96 m³ (dài 16m x rộng 4,0m x sâu 1,5m), được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q= 0,6 và K_f= 1).

- Quy trình thu gom, xử lý: nước mưa chảy tràn → mương thu gom xung quanh khu mỏ → hồ lắng phía Đông Nam → mương dẫn nước → ao hiện trạng phía Đông Nam.

3.2. Về xử lý bụi

Phun nước trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt 660 lít đặt tại khu vực nhà tạm để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định (bố trí tại khu vực nhà tạm) để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	San gạt mặt bằng Dự án.	5.000 m ³	Không tạo hố lồi lõm, thoái về phía Đông Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
3.	Tháo dỡ rọ đá.	12 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
4.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	402,6 m ³		
5.	Tháo dỡ cống thoát nước đặt qua đường giao thông	15 m		
6.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động.	10 m ²		
7.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất ngoài khu mỏ.	900 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.
8.	Tháo dỡ đường tạm ngoài mỏ.	96 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
9.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án.	1,0 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Thực hiện khi tiến hành khai thác năm tiếp theo và sau khi kết thúc san gạt năm thứ 2.
10.	Đo vẽ bản đồ địa hình.	1,0 ha	- Giám sát độ sâu khai thác. - Lập bản đồ hiện trạng hàng năm và bản đồ địa hình sau khi kết thúc cải tạo, phục hồi môi trường.	Đo vẽ hàng năm và sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **185.839.000 đồng**
(*Một trăm tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn*).

+ Lần 1, số tiền: 46.460.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần còn lại, số tiền: 139.379.000 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ là trước 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: không.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 01 hồ lắng phía Đông Nam; hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn; mương thoát nước từ hồ lắng ra ao hiện trạng.

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,6$ và $K_f = 1$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm gần nhà dân trên tuyến đường vào dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.